

ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH DÂN*, ĐOÀN VĂN ĐIỀU**

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số SV có động cơ học tập mang tính tích cực. Điều này có nghĩa là SV đánh giá cao việc học tập, học không chỉ vì bản thân mà còn vì gia đình và xã hội. Đặc biệt, SV còn cho rằng việc cố gắng học tập là cách tỏ lòng biết ơn cha mẹ.

Từ khóa: học tập, động cơ học tập, tích cực, sinh viên.

ABSTRACT

Learning motivations of students at Ho Chi Minh City University of Education

The article illustrates the results of studying learning motivations of students at Ho Chi Minh City University of Education. The findings show that the majority of students have positive learning motivations; i.e. the students appreciate learning not only for themselves but also for their family and the society. Especially, students consider trying to learn hard is one way to show gratitude towards their parents.

Keywords: learning, learning motivation, positive, student.

1. Đặt vấn đề

Những định nghĩa dưới đây nhấn mạnh các mức độ của một số mặt tạo thành động cơ:

- Mục tiêu mà con người có định hướng hành vi của họ về một điều gì đó như quyền lực, vị trí xã hội, bạn bè, tiền của;

- Quá trình trí tuệ hoặc sức lực mà qua đó các cá nhân (a) theo đuổi/ được dẫn dắt đến những mục tiêu cụ thể, gồm cả việc quyết định về điều gì nên nhắm đến và làm thế nào để đạt được nó, và (b) duy trì hoặc kéo dài hành vi đó;

- Quá trình xã hội mà qua đó một số cá nhân như người quản lí, tìm kiếm để

lặp lại hoặc thay đổi hành vi của người khác. [1]

Trong giai đoạn đi học, SV thể hiện mục đích cuộc sống qua động cơ học tập của họ. Dưới đây, chúng tôi phân tích động cơ học tập của SV để tìm hiểu phần nào về mục đích cuộc sống và động cơ của họ.

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

2.1. Dụng cụ nghiên cứu

Dụng cụ nghiên cứu là một bảng hỏi gồm 20 câu được soạn thảo theo 2 giai đoạn:

- Thăm dò thử: gồm 3 câu hỏi về động cơ học tập vì bản thân, gia đình và xã hội được thực hiện trên 120 SV bằng các câu hỏi mở.

- Thu thập dữ kiện: sau khi phân tích nội dung, các ý kiến trong câu hỏi mở

* ThS, Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cà Mau

** PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

được soạn thành một thang đo gồm 20 câu hỏi và được sử dụng chính thức.

2.2. Mẫu chọn

Nghiên cứu được thực hiện trên 989 SV Trường ĐHSPTPHCM, cụ thể như sau:

- Sinh viên:
 Năm 1: 211, năm 2: 633, năm 3: 115;
- Giới tính: Nam: 254, nữ: 735;

- Địa phương: Tỉnh: 738, thành phố: 206;

- Ngành học: Không ghi: 5, Khoa học tự nhiên: 247, Khoa học xã hội: 522;
- Ngoại ngữ: 82, khác: 106.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả chung về động cơ học tập của sinh viên

- Vì bản thân (xem bảng 1)

Bảng 1. Động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM

Tôi đi học để	N	%	Thứ bậc
Có kiến thức	792	80,08	1
Có việc làm ổn định	573	57,94	2
Sống đúng ý nghĩa của cuộc sống	417	42,16	3
Làm việc hiệu quả trong tương lai	323	32,66	4
Khẳng định bản thân	267	27,00	5
Đổi nhân xử thế	239	24,17	6
Không phải vất vả sau này	183	18,50	7
Thành người có ích cho bản thân	153	15,47	8

Bảng 1 cho thấy động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM được xếp theo thứ bậc như sau: có kiến thức (thứ bậc 1), có việc làm ổn định (thứ bậc 2), sống đúng ý nghĩa của cuộc sống (thứ bậc 3), làm việc hiệu quả trong tương lai (thứ bậc 4), khẳng định bản thân (thứ bậc 5), đổi nhân xử thế (thứ bậc 6), không phải vất vả sau này (thứ bậc 7), và thành người có ích cho bản thân (thứ bậc 8).

Như vậy, động cơ học tập của SV

Trường ĐHSPTPHCM một phần là chuẩn bị cho bản thân trong cuộc sống tương lai. Có hai ý tưởng mang tính cá nhân nhiều hơn như “không phải vất vả sau này” và “thành người có ích cho bản thân” được xếp ở thứ bậc thấp nhất. Như vậy, có thể nói việc giáo dục ở trường có hiệu quả trong việc giúp người học hướng về cái chung của xã hội. Nói cách khác, động cơ học tập vì bản thân của SV đa số mang tính xã hội.

- Vì gia đình (xem bảng 2)

Bảng 2. Động cơ học tập vì gia đình của SV Trường ĐHSP TPHCM

Tôi đi học để	N	%	Thứ bậc
Đền đáp công ơn của cha mẹ	782	79,07	1
Giáo dục con cái đầy đủ hơn	638	64,51	2
Giúp đỡ gia đình	514	51,97	3
Thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại	485	49,04	4
Làm gương cho các em	452	45,70	5

Bảng 2 cho thấy động cơ học tập vì gia đình của SV Trường ĐHSP TPHCM được xếp theo thứ bậc như sau: đền đáp công ơn của cha mẹ (thứ bậc 1), giáo dục con cái đầy đủ hơn (thứ bậc 2), giúp đỡ gia đình (thứ bậc 3), thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại (thứ bậc 4), làm gương cho các em (thứ bậc 5).

Những động cơ ở trên, tuy đơn giản, nhưng nói lên suy nghĩ nghiêm túc

của SV. Họ nhìn nhận vấn đề ở cả hiện tại lẫn tương lai, những gì làm được và không làm được. SV cũng hiểu rằng, với nền tảng học vấn vững chắc thì sẽ giáo dục con em mình hiệu quả hơn. Những việc trong tương lai như giúp đỡ gia đình và thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại được xếp ở các thứ bậc thấp hơn.

- Vì xã hội (xem bảng 3)

Bảng 3. Động cơ học tập vì xã hội của SV Trường ĐHSP TPHCM

Tôi đi học để	N	%	Thứ bậc
Làm giáo viên	585	59,15	1
Thành người có ích cho xã hội	574	58,04	2
Hiểu biết con người đầy đủ hơn	464	46,92	3
Bắt kịp với sự tiến bộ của xã hội	451	45,60	4
Khẳng định mình trong xã hội	300	30,33	5
Đóng góp vào xã hội	288	29,12	6
Làm một cái gì đó cho đất nước	240	24,27	7

Bảng 3 cho thấy động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSP TPHCM được xếp theo thứ bậc sau: làm giáo viên (thứ bậc 1), thành người có ích cho xã hội (thứ bậc 2), hiểu biết con người đầy đủ hơn (thứ bậc 3), bắt kịp với sự tiến bộ của xã hội (thứ bậc 4), khẳng định mình trong xã hội (thứ bậc 5), đóng góp vào xã hội (thứ bậc 6), làm một cái gì đó cho đất nước (thứ bậc 7).

Như vậy, SV xác định những động

cơ gần và cụ thể, có thể thực hiện thì xếp ở thứ bậc cao và những động cơ tương đối xa và trừu tượng thì xếp ở các thứ bậc thấp hơn. Điều này có thể suy ra rằng SV Trường ĐHSP TPHCM có suy nghĩ thực tế và họ biết đánh giá năng lực của mình khi muốn thực hiện một việc gì.

3.2. So sánh động cơ học tập của sinh viên

- Theo tham số giới tính

- Vì bản thân (xem bảng 4)

Bảng 4. So sánh đánh giá động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM

Nội dung	Nam		Nữ		Thứ bậc	
	N	%	N	%	Nam	Nữ
Có kiến thức	203	79,92	589	80,13	1	1
Khăng định bản thân	75	29,52	192	26,12	5	5
Sống đúng ý nghĩa của cuộc sống	99	38,97	318	43,26	3	3
Thành người có ích cho bản thân	36	14,17	117	15,91	8	8
Làm việc hiệu quả trong tương lai	91	35,82	232	31,56	4	4
Có việc làm ổn định	147	57,87	426	57,95	2	2
Đối nhân xử thế	57	22,44	182	24,76	6	6
Không phải vất vả sau này	50	19,68	133	18,09	7	7

Bảng 4 cho thấy động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM được đánh giá theo giới tính không có sự khác biệt vì các thứ bậc sắp xếp của nam SV và nữ SV hoàn toàn trùng khớp với nhau.

- Vì gia đình (xem bảng 5)

Bảng 5. So sánh đánh giá động cơ học tập vì gia đình của SV Trường ĐHSPTPHCM

Nội dung	Nam		Nữ		Thứ bậc	
	N	%	N	%	Nam	Nữ
Giúp đỡ gia đình	141	55,51	373	50,74	3	3
Đền đáp công ơn của cha mẹ	205	80,70	577	78,50	1	1
Làm gương cho các em	123	48,42	329	44,76	4	5
Giáo dục con cái đầy đủ hơn	163	64,17	475	64,62	2	2
Thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại	113	44,48	372	50,61	5	4

Bảng 5 cho thấy việc đánh giá động cơ học tập vì gia đình giữa nam và nữ SV Trường ĐHSPTPHCM là không khác biệt nhiều về thứ bậc. Một trong những điểm đáng trân trọng là việc đi học để đền đáp công ơn cha mẹ còn được đánh giá ở thứ bậc cao nhất. Điều này chứng tỏ rằng mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình khá vững chắc và việc làm

thiết thực của SV trong thời gian đi học là cố gắng học để làm cha mẹ vui lòng – một suy nghĩ vừa mang tính biết ơn, vừa mang tính truyền thống tốt đẹp của lối sống hài hòa giữa các thế hệ với nhau. Những quan điểm khác mang tính tương lai và thực tế của SV cũng thể hiện ở kết quả này.

- Vì xã hội (xem bảng 6)

Bảng 6. So sánh đánh giá động cơ học tập vì xã hội của SV Trường ĐHSP TPHCM

Nội dung	Nam		Nữ		Thứ bậc	
	N	%	N	%	Nam	Nữ
Đóng góp vào xã hội	74	29,13	214	29,11	5	6
Làm một cái gì đó cho đất nước	60	23,62	180	24,48	7	7
Làm giáo viên	156	61,41	429	58,36	2	1
Thành người có ích cho xã hội	164	64,56	410	55,78	1	2
Khăng định mình trong xã hội	73	28,74	227	30,88	6	5
Bắt kịp với sự tiến bộ của xã hội	113	44,48	338	45,98	3	4
Hiểu biết con người đầy đủ hơn	113	44,48	351	47,75	3	3

Bảng 6 cho thấy việc đánh giá động cơ học tập vì xã hội giữa nam và nữ SV Trường ĐHSP TPHCM là không khác biệt nhiều về thứ bậc. Nam SV học vì muốn một cái gì đó tổng quát hơn “thành người có ích cho xã hội”, nhưng nữ SV thì xác định động cơ rõ ràng là “làm giáo viên”. Điều này có thể suy ra rằng xác định động cơ nghề nghiệp của nữ SV là rõ ràng hơn khi thi vào trường sư phạm;

còn nam SV có thể làm một việc gì đó sau khi tốt nghiệp miễn là có ích cho xã hội chứ không nhất thiết là giáo viên. Các ý kiến giữa nam và nữ khá tương đồng, qua đó, thấy được trình độ nhận thức của nam và nữ SV của Trường ĐHSP TPHCM là không khác biệt nhiều.

- Theo tham số địa phương

- Vì bản thân (xem bảng 7)

Bảng 7. So sánh đánh giá động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSP TPHCM

Nội dung	Tỉnh		Thành phố		Thứ bậc	
	N	%	N	%	Tỉnh	TP
Có kiến thức	634	80,97	158	76,70	1	1
Khăng định bản thân	222	28,35	45	21,84	5	7
Sống đúng ý nghĩa của cuộc sống	338	43,17	79	38,35	3	3
Thành người có ích cho bản thân	122	15,58	31	15,05	8	8
Làm việc hiệu quả trong tương lai	253	32,31	70	33,98	4	4
Có việc làm ổn định	457	58,37	116	56,31	2	2
Đổi nhân xử thế	183	23,37	56	27,18	6	5
Không phải vất vả sau này	137	17,50	46	22,33	7	6

Bảng 7 cho thấy việc đánh giá động cơ học tập vì bản thân của SV Trường ĐHSP TPHCM, giữa SV ở tỉnh và thành phố là không khác biệt nhiều về thứ bậc. Đa số ý kiến đều giống nhau, chỉ có “khăng định bản thân”, “đổi nhân xử thế” và “không phải vất vả sau này” là có sự chênh lệch về thứ bậc, nhưng không đáng kể.

- Vì gia đình (xem bảng 8)

Bảng 8. So sánh đánh giá động cơ học tập vì gia đình của SV Trường ĐHSPTPHCM

Nội dung	Tỉnh		Thành phố		Thứ bậc	
	N	%	N	%	Tỉnh	TP
Giúp đỡ gia đình	420	53,64	94	45,63	3	4
Đền đáp công ơn của cha mẹ	616	78,67	166	80,58	1	1
Làm gương cho các em	366	46,74	86	41,75	5	5
Giáo dục con cái đầy đủ hơn	498	63,60	140	67,96	2	2
Thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại	380	48,53	105	50,97	4	3

Bảng 8 cho thấy việc đánh giá động cơ học tập vì gia đình của SV Trường ĐHSPTPHCM giữa SV ở tỉnh và thành phố là không khác biệt nhiều về thứ bậc. Đa số ý kiến đều giống nhau, chỉ có “giúp đỡ gia đình” và “thay đổi cuộc sống khó khăn hiện tại” là có sự chênh lệch về thứ bậc, nhưng không đáng kể.

- Vì xã hội (xem bảng 9)

Bảng 9. Kết quả động cơ đi học vì xã hội của SV Trường ĐHSPTPHCM

Nội dung	Tỉnh		Thành phố		Thứ bậc	
	N	%	N	%	Tỉnh	TP
Đóng góp vào xã hội	239	30,52	49	23,79	5	6
Làm một cái gì đó cho đất nước	205	26,18	35	16,99	7	7
Làm giáo viên	464	59,26	121	58,74	1	1
Thành người có ích cho xã hội	455	58,11	119	57,77	2	2
Khẳng định mình trong xã hội	232	29,63	68	33,01	6	5
Bắt kịp với sự tiến bộ của xã hội	354	45,21	97	47,09	4	3
Hiểu biết con người đầy đủ hơn	368	47,00	96	46,60	3	4

Bảng 9 cho thấy việc đánh giá động cơ học tập vì xã hội của SV Trường ĐHSPTPHCM giữa SV ở tỉnh và thành phố là không khác biệt nhiều về thứ bậc. Điều này chứng tỏ SV ở tỉnh có trình độ nhận thức cũng như SV thành phố.

4. Kết luận

Động cơ học tập của SV Trường ĐHSPTPHCM một phần là để chuẩn bị cho bản thân bước vào cuộc sống tương lai. Các ý tưởng mang tính cá nhân được xếp ở thứ bậc thấp nhất. Như vậy, có thể nói việc giáo dục ở trường có hiệu quả trong việc giúp người học hướng về cái chung, cái xã hội.

Những động cơ nêu trên tuy đơn

giản nhưng thể hiện suy nghĩ nghiêm túc của SV. Họ nhìn vấn đề ở cả hiện tại lẫn tương lai, có thủy có chung, biết đánh giá những gì làm được và không làm được. Đa số SV cho rằng việc làm thiết thực nhất ở tuổi còn đi học là đạt thành tích học tập tốt để đền ơn cha mẹ, làm cho cha mẹ vui lòng.

SV xác định những động cơ gần và cụ thể, có thể thực hiện được thì xếp ở thứ bậc cao và những động cơ tương đối xa và trừu tượng thì xếp ở các thứ bậc thấp hơn. Điều này cho thấy SV Trường ĐHSPTPHCM có suy nghĩ thực tế, đồng thời họ biết đánh giá năng lực của mình trước khi muốn thực hiện một công việc gì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc (1989), *Hành vi và hoạt động*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Quang Uẩn và tđk (1995), *Tâm lý học đại cương*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo trình đại học, Hà Nội.
3. Irving B. Weiner et al. (2003), *Handbook of psychology – Vol.7: Educational psychology*, John Wiley & Son. Inc, p.103-124.
4. K.B. Madsen (1974), *Modern Theory of Motivation*, Halsted Press (a Division of John Wiley & Sons, Inc. New York, p.80-83.
5. Robert C-beck (1983), *Motivation*, New Jersey, Prentic-Hall, Inc, p.17-26.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 27-5-2013; ngày phản biện đánh giá: 11-6-2013;
ngày chấp nhận đăng: 12-7-2013)

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SỬ DỤNG BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ...

(Tiếp theo trang 177)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Văn Biều (2010), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Đại học Sư Phạm TPHCM.
2. Lê Văn Đắc (2010), *Tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử Elearning của Sở GDĐT Lâm Đồng*, tải về ngày 27-11-2011, từ <http://sites.google.com/site/thptbtx/van-ban-phap-quy/tieuchidanhgiabaigiangdientuelearningthamkhao>.
3. Cao Cự Giác (2011), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Hóa học*, Nxb Đại học Sư phạm.
4. Thạch Trương Thảo (2011), *Giáo trình thiết kế bài giảng điện tử*, tải về ngày 9-10-2011, từ <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/giao-trinh-thiet-ke-bai-giang-dien-tu-chuong-1.735663.html>.
5. Nguyễn Trọng Thọ (2007), *Ứng dụng tin học trong dạy học Hóa học*. Nxb Giáo dục.
6. Lê Xuân Trọng (2009), *Sách giáo khoa Hóa học 10 nâng cao*. Nxb Giáo dục.
7. Lê Công Triêm. (2004), *Bài giảng điện tử và quy trình thiết kế bài giảng điện tử trong dạy học*, tải về ngày 28-2-2012, từ <http://d.violet.vn/uploads/resources/184/320732/preview.swf>.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 09-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 21-5-2013;
ngày chấp nhận đăng: 24-7-2013)